

Số: **144**/BC-UBND

Thanh Trị, ngày **16** tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn huyện Thanh Trị

Thực hiện Kế hoạch số 55/KH-HĐND ngày 29/05/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị về việc tổ chức kỳ họp giữa năm 2025 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026,

Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trị báo cáo tình hình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn huyện Thanh Trị, cụ thể như sau:

I. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt, sâu sát của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và các Sở, ngành tỉnh. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trị đã ban hành Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Thanh Trị giai đoạn 2021 - 2025; cơ cấu các ban, phòng, ngành huyện, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; trong đó Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch (Ủy viên Thường trực phụ trách tổng hợp chung các Chương trình mục tiêu quốc gia); Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường (Ủy viên Thường trực phụ trách Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững); Trưởng phòng Dân tộc và Tôn giáo (Ủy viên Thường trực phụ trách Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số) để thực hiện Chương trình và lồng ghép các chính sách, các Chương trình, dự án khác tại địa phương.

Về hoạt động điều hành: Ban Chỉ đạo các CTMTQG, từng thành viên chủ động, tích cực tham mưu Ban Chỉ đạo và triển khai các hoạt động cụ thể góp phần đưa các CTMTQG vào thực tiễn. Ban Chỉ đạo họp đánh giá việc thực hiện các CTMTQG hàng tháng, riêng bộ phận thường trực của Ban Chỉ đạo họp giao ban ít nhất 02 lần/tháng để theo dõi sát tiến độ và giải quyết các khó khăn (nếu thuộc thẩm quyền địa phương). Thực hiện kịp thời chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện từng dự án, tiểu dự án của từng chương trình. Từng thời điểm ban hành kịp thời các văn bản có tính chất chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân, đảm bảo chất lượng các dự án, tiểu dự án, đảm bảo tính công khai, công bằng và minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện các CTMTQG trên địa bàn.

II. Kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng đầu năm 2025

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

1.1. Vốn đầu tư phát triển (Số liệu giải ngân đến ngày 05/06/2025)

1.1.1. Dự án 1

Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 4.272 triệu đồng (Kế hoạch vốn giao năm 2025 NSTW là 2.400 triệu đồng, Ngân sách huyện đối ứng là 240 triệu đồng; Kế hoạch vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025 NSTW là 1.620 triệu đồng, ngân sách huyện 12 triệu đồng). Thực hiện đến 05/6/2025 giải ngân 3.216 triệu đồng, đạt 75,3% so với kế hoạch.

1.1.2. Dự án 4

Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc: 11.405 triệu đồng (Kế hoạch vốn giao năm 2025 NSTW là 8.244 triệu đồng, Ngân sách huyện đối ứng là 3.096 triệu đồng; Kế hoạch vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025 NSTW là 65 triệu đồng), triển khai thực hiện khởi công mới 05 công trình và 07 công trình chuyển tiếp, giải ngân 4.122 triệu đồng, đạt 36,15% kế hoạch vốn, ước thực hiện đến 30/6/2025 giải ngân 5.361 triệu đồng, đạt 47% so với kế hoạch.

1.2. Vốn sự nghiệp năm 2025 (Số liệu giải ngân đến ngày 05/06/2025)

Tổng vốn thực hiện năm 2025: 4.465 triệu đồng. Trong đó: dự toán giao năm 2025 là 4.245 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương 3.859 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương 386 triệu đồng); dự toán năm 2024 kéo dài sang năm 2025 là 220 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương 188 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương 32 triệu đồng), cụ thể như sau:

1.2.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: vốn phân bổ là 997 triệu đồng, dự kiến hỗ trợ cho 11 hộ theo định mức quy định với tổng vốn dự kiến thực hiện là 110 triệu đồng, đã giải ngân 21 triệu đồng, vốn dôi dư còn lại đề xuất chuyển nội dung khác thuộc Chương trình.

- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Vốn phân bổ là 120 triệu, dự kiến hỗ trợ cho 36 hộ có nhu cầu với vốn dự kiến thực hiện là 78 triệu đồng, vốn dôi dư còn lại đề xuất chuyển nội dung khác thuộc Chương trình.

1.2.2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế

Dự toán được giao năm 2025: 460 triệu đồng giao UBND xã Tuấn Túc tổ chức thực hiện, chưa giải ngân; dự toán năm 2024 kéo dài sang năm 2025 là 32 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương 32 triệu đồng).

1.2.3. Dự án 4: Thực hiện duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng bổ sung có mục tiêu về cho ngân sách xã là 1.343 triệu đồng (Trong đó 957 triệu đồng vốn ngân sách trung ương, 368 triệu đồng vốn đối ứng ngân sách huyện); dự toán năm 2024 kéo dài sang năm 2025 là 110 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương 78 triệu đồng, 32 triệu đồng vốn đối ứng ngân sách huyện).

1.2.4. Dự án 5: Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số với tổng vốn thực hiện là 700 triệu đồng giao Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên phụ trách thực hiện, đã giải ngân 29 triệu đồng; dự toán năm 2024 kéo dài sang năm 2025 là 41 triệu đồng.

1.2.5. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em với tổng vốn thực hiện là 550 triệu đồng giao cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện, đến nay chưa giải ngân.

1.2.6. Dự án 10: Kiểm tra giám sát kết quả thực hiện Chương trình tổng vốn thực hiện là 75 triệu đồng giao cho Phòng Dân tộc và Tôn giáo cùng với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện. Dự kiến phòng Dân tộc và Tôn giáo thực hiện giải ngân với số tiền 35 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân nguồn vốn được phân bổ của phòng Dân tộc và Tôn giáo là 100%.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

2.1. Vốn đầu tư phát triển gồm nguồn vốn Trung ương và nguồn vốn địa phương (Số liệu giải ngân đến ngày 05/06/2025)

Tổng vốn năm 2025 là 134.034 triệu đồng (Kế hoạch vốn năm 2025 là 131.733 triệu đồng (ngân sách trung ương là 2.074 triệu đồng, kế hoạch vốn kéo dài là 171 triệu đồng; ngân sách tỉnh đối ứng là 129.659 triệu đồng, kế hoạch vốn kéo dài là 2.131 triệu đồng).

- Ngân sách trung ương: 2.074 triệu đồng; giải ngân đến ngày 05/6/2025 là 1.743 triệu đồng, đạt 84,04% so kế hoạch; kế hoạch vốn kéo dài là 171 triệu đồng đề xuất điều chỉnh sang danh mục khác thuộc chương trình để thực hiện.

- Ngân sách tỉnh: 129.659 triệu đồng, thực hiện giải ngân đến ngày 05/6/2025 là 16.036 triệu đồng, đạt 12,37% so kế hoạch; kế hoạch vốn kéo dài là 2.131 triệu đồng, giải ngân đến ngày 05/6/2025 là 819 triệu đồng, đạt 38,43% so kế hoạch. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2025 giải ngân được 24.642 triệu đồng, đạt 18,7% kế hoạch.

2.2. Vốn sự nghiệp gồm nguồn vốn Trung ương và nguồn vốn địa phương (Số liệu giải ngân đến ngày 05/06/2025)

Tổng nguồn vốn là 5.423 triệu đồng (Dự toán được giao năm 2025 là 5.106 triệu đồng; Kế hoạch vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025 là 317 triệu đồng).

- Ngân sách Trung ương: 2.743 triệu đồng (Dự toán được giao năm 2025 là 2.426 triệu đồng; Kế hoạch vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025 là 317 triệu đồng), giải ngân 1.168 triệu đồng, đạt 42,58 %, số còn lại đang tiếp tục giải ngân, dự kiến hết tháng 6 giải ngân 2.016 triệu đồng ước đạt 73,5%.

- Ngân sách tỉnh: 2.680 triệu đồng (*sau khi tỉnh điều chỉnh, bổ sung đợt 2*), giải ngân 1.555 triệu đồng, đạt 58,02%, số còn lại đang tiếp tục giải ngân, dự kiến hết tháng 6 giải ngân 1.875 triệu đồng, đạt 69,96%.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

- Đối với nguồn vốn sự nghiệp gồm nguồn vốn Trung ương và nguồn vốn địa phương năm 2025:

- + Nguồn vốn Trung ương: 6.588 triệu đồng;
- + Nguồn vốn đối ứng của huyện: 658,8 triệu đồng.

Hiện nay, đã phân khai cho các đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn theo Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của Chủ tịch UBND huyện về việc giao dự toán bổ sung và phê duyệt kinh phí năm 2025 (nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương); ngân sách cấp huyện đối ứng 10% ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn huyện Thanh Trì.

- Kinh phí CT MT QG giảm nghèo năm 2024 mang sang năm 2025 số tiền là 189.560.000 đồng (Trong đó: Phòng Nông nghiệp và Môi trường phụ trách là 56.104.000 đồng đã giải ngân xong - đạt tỷ lệ 100%; còn lại 133.456.000 đồng do một số ngành phụ trách đến nay chưa giải ngân).

(Chi tiết theo phụ lục 1,2 đính kèm)

II. Đánh giá chung

1. Thuận lợi

Công tác triển khai thực hiện các CTMTQG trên địa bàn huyện luôn được sự quan tâm hỗ trợ từ các Sở, ngành Tỉnh; sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện, UBND huyện; sự đồng thuận của các cấp, ngành và sự ủng hộ của Nhân dân trên địa bàn.

Các chủ đầu tư, UBND các xã, thị trấn đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong việc hoàn thành các thủ tục và triển khai thực hiện.

Việc triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo, nhất là hộ nghèo người đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao thu nhập cho người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, cận nghèo được tiếp cận các dịch vụ về việc làm, y tế, giáo dục, nước sinh hoạt và tiếp cận thông tin. Tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các nguồn vốn hỗ trợ thông qua việc tham gia thực hiện các dự án, mô hình sinh kế.

Xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào thi đua sôi nổi của toàn Đảng, toàn dân, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã thực sự đi vào cuộc sống; công tác tuyên truyền, vận động ngày càng thiết thực đi vào chiều sâu. Mô hình tuyến đường Nông thôn mới kiểu mẫu được các ngành, các cấp quan tâm tuyên truyền vận động, đầu tư xây dựng, bộ mặt Nông thôn được thay đổi rõ nét đạt tiêu chí “Sáng, Xanh, Sạch, Đẹp”; Bộ máy chỉ đạo, quản lý Chương trình được quan tâm kiện toàn thường xuyên từ huyện đến xã, ấp. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ngày càng thiết thực, xác thực tế; nhiều địa phương đánh giá đúng thực trạng, xác định lộ trình phù hợp để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai đồng bộ, kịp thời giúp đối tượng của Chương trình giải quyết những khó khăn trong cuộc sống. Công tác dạy nghề, giải quyết việc

làm được phát huy hiệu quả, người lao động sau học nghề đã áp dụng được kiến thức đã học vào sản xuất nâng cao lợi nhuận, đối với một số ngành nghề phi nông nghiệp người lao động đã được các cơ sở sản xuất - kinh doanh, tổ sản xuất nhận vào làm việc góp phần tăng thu nhập gia đình, ổn định cuộc sống. Cơ sở hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được đầu tư đảm bảo, dần dần đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng, tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào lao động phát triển sản xuất, giao thương hàng hóa kết nối với vùng phát triển. Dự án 8 của Chương trình đã phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong việc thực hiện công tác bảo vệ an toàn cho phụ nữ, trẻ em; giảm bớt định kiến về giới trong vùng đồng bào dân tộc, nâng cao các kiến thức, kỹ năng thúc đẩy bình đẳng giới, có sự tham gia của nam giới trong thực hiện dự án; góp phần từng bước thay đổi nhận thức, hướng tới mục tiêu bình đẳng giới trong gia đình và ngoài xã hội. Các dự án trong chương trình đã phát huy hiệu quả, hỗ trợ công tác giảm nghèo tại địa phương, giúp cho đồng bào dân tộc tiếp cận kiến thức mới trong lao động sản xuất, thay đổi nếp nghĩ, cách làm, phấn đấu vượt khó vươn lên; diện mạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày thêm đổi mới.

2. Những khó khăn, vướng mắc

Qua công tác triển khai thực hiện các CTMTQG hiện vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau:

Thực hiện nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở thuộc Dự án 1 trong năm 2025 chưa đảm bảo chỉ tiêu so với vốn tỉnh giao do đối tượng thụ hưởng ít hơn so với thời điểm rà soát tháng 6 năm 2024 (*Dôi dư chỉ tiêu đất ở: 03 hộ; nhà ở: 21 hộ so với đăng ký*). Ban Quản lý Dự án phụ trách triển khai thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng còn chậm tiến độ, giải ngân chưa đạt yêu cầu của việc khân trương giải ngân đầu tư công của cấp có thẩm quyền.

Nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình được phân bổ chậm nên ảnh hưởng đến việc phân bổ cho các ngành, các xã và tỷ lệ giải ngân của chủ đầu tư. Mặt khác, vốn phân bổ các nội dung thuộc Dự án 1 nhiều so với nhu cầu thực tế của huyện, do đó cần phải bố trí các nội dung khác phù hợp với tính chất nguồn vốn để tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

Một số tiêu chí xây dựng nông thôn mới tuy đã đạt nhưng chất lượng chưa cao, chưa đảm bảo đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu bộ tiêu chí đặt ra; Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn mặc dù được quan tâm đầu tư cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh, tuy nhiên, việc đầu tư còn dàn trải, chưa đảm bảo đồng bộ, đặc biệt là giao thông, cơ sở vật chất văn hóa, trạm y tế.

Một bộ phận người nghèo, người cận nghèo còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về giảm nghèo đã được các cấp, các ngành tích cực vào cuộc nhưng hiệu quả chưa cao.

Các mô hình sản xuất triển khai chưa thật sự hiệu quả, giá cả vật tư đầu vào tăng cao, giá nông sản, thị trường tiêu thụ không ổn định, chưa liên kết trong sản xuất, chất lượng sản phẩm chưa cao, chưa đáp ứng nhu cầu thị trường. Các hình thức tổ chức sản xuất và dịch vụ ở nông thôn chưa chuyển biến tích cực, một số hợp tác xã chậm đổi mới phương thức quản lý và vận hành, hiệu quả hoạt động chưa cao.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn huyện Thạnh Trị. / *Mohamud*

Nơi nhận: *W*

- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TV. UBND huyện;
- Đ/b HĐND huyện;
- Lưu: VP (VT-NC; TC-KH).

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Mohamud
Lê Thanh Chúc





BÁO CÁO TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 144 /BC-UBND ngày 16 /6/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì)

Biểu 01/CTMTQG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn						Giải ngân đến ngày 05-06-2025						Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch năm 2025 được giao			Tổng số	Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn (%)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	
				NSTW	NSDP	Tổng số	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số	21.435	15.677	1.685	12	13.980	10.644	3.336	7.339	1.632	5.706	5.492	144	46,81	8.577	54,7	
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		4.272	1.620	12	2.640	2.400	240	3.216	1.632	1.584	1.440	144	75,28	3.216	75,3	
	Thị trấn Phú Lộc		88			88	80	8	88		88	80	8	100,00	88	100,0	
	Thị trấn Hưng Lợi		1.648	636,199		1.012	920	92	1.032	636	396	360	36	62,63	1.032	62,6	
	xã Châu Hưng		336	160		176	160	16	248	160	88	80	8	73,81	248	73,8	
	xã Vĩnh Thành		124	80		44	40	4	124	80	44	40	4	100,00	124	100,0	
	xã Thanh Tân		176			176	160	16	176		176	160	16	100,00	176	100,0	
	xã Thanh Trì		132	120	12	0		0	132	132	0			100,00	132	100,0	
	xã Tuân Tức		1.244	320		924	840	84	892	320	572	520	52	71,70	892	71,7	
	xã Lâm Tân		500	280		220	200	20	500	280	220	200	20	100,00	500	100,0	
xã Lâm Kiết		24	24		0			24	24	0				24	100,0		
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	21.435	11.405	65	0	11.340	8.244	3.096	4.122	0	4.122	4.052		36,15	5.361	47,0	



STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn						Giải ngân đến ngày 05-06-2025						Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch năm 2025 được giao			Tổng số	Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn (%)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	
				NSTW	NSDP	Tổng số	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Dự án chuyển tiếp	11.423	1.394	65	0	1.329	1.329	0	1.102	0	1.102	1.102		79,09	1.102	79,1	
1	Lộ và cống thoát nước hẻm 12 nối tiếp	1.673	1.329			1.329	1.329		1.102		1.102	1.102		82,94	1.102	82,9	
2	Cầu kênh 10 Thước 1	1.140	2	2		0					0						
3	Cầu kênh Huyện Tự	1.199	1	1		0					0						
4	Lộ kênh Ba Huê	2.131	3	3		0					0						
5	Lộ Ttrung Thống - Tân Định	3.060	7	7		0					0						
6	Lộ kênh ông Cua, xã Tuân Tức, huyện Thạnh Trị	1.698	3	3		0					0						
7	Cầu Kênh Ranh Kinh Ngay 2 - 23	522	47	47		0					0						
	Dự án khởi công mới	10.012	10.011		0	10.011	6.915	3.096	3.020	0	3.020	2.950		30,17	4.259	42,5	
8	Cầu kênh nhà ông Út Em	570	570			570	518	52	182		182	182		31,97	300	52,6	
9	Lộ ấp số 9 (nhà ông Lưu Văn Giang - nhà ông Thạch Tròn)	247	247			247	224	23	223		223	223		90,28	223	90,3	
10	Lộ ấp Xóm Tro 1 (Nhà ông Trần Văn Ấn - nhà ông Thạch Mững)	3.621	3.620			3.620	3.291	329	979		979	979		27,04	1.650	45,6	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn						Giải ngân đến ngày 05-06-2025						Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch năm 2025 được giao			Tổng số	Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn (%)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
11	Lộ ấp Kinh Ngay 1 (Từ nhà bà Lê - giáp ấp Kinh Ngay 2)	1.890	1.890			1.890	1.718	172	450		450	450		23,81	900	47,6	
12	Lộ Bình Thới	3.684	3.684			3.684	1.164	2.520	1.186		1.186	1.116	70	32,19	1.186	32,2	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	52.931	134.034	171	2.131	131.733	131.733	0	18.598	819	17.779	17.779		13,88	1.743	1,3	
	Dự án chuyển tiếp	19.317	1.964	171	0	1.793	1.793		1.743	0	1.743	1.743		88,76	1.743	88,8	
13	Lộ B1 - Tân Lợi, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị	7.704	10	10		0					0						
14	Lộ kênh ông Thái	2.940	2	2		0					0						
15	Lộ ấp Tà Đắp C1-C2	3.324	78	78		0					0						
16	Đường Lát Chiều nối tiếp	703	28	28		0					0						
17	Cầu ông Thanh	703	42	42		0					0						
18	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng, xã Lâm Tân (8054454)	234	2	2		0					0						
19	Hệ thống đèn thấp sáng đường quê, xã Lâm Kiết (8054811)	234	2	2		0					0						
20	Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng (đèn năng lượng mặt trời), xã Vĩnh Lợi (8086467)	535	7	7		0					0						
21	Lộ Cầu Miếu (giáp Mỹ Bình)	2.940	1.793			1.793	1.793		1.743		1.743	1.743		97,21	1.743	97,2	
	Dự án khởi công mới	309	281	0	0	281	281	0	0	0	0	0	0	0,00	0	-	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn						Giải ngân đến ngày 05-06-2025						Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch năm 2025 được giao			Tổng số	Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn (%)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	
				NSTW	NSDP	Tổng số	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
22	Nâng cấp sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Kiết Nhứt A	309	281			281	281				0			0,00		-	
*	Ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	33.305	131.790		2.131	129.659	129.659		16.855	819	16.036	16.036	0	12,79	24.642	18,7	
	Dự án chuyển tiếp	21.091	2.131		2.131	0	0		819	819	0	0		38,46	819	38,5	
23	Đường chùa lộ mới, xã Lâm Tân	5.250	725		725	0			0		0			0,00		-	
24	Cầu chùa và đường Xóm phố đầu nổi huyện lộ 61	6.048	1.197		1.197	0			813	813	0			67,96	813	68,0	
25	Nâng cấp, mở rộng lộ kênh Cái Trầu	8.743	156		156	0			0		0			0,00		-	
26	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Tân Nghĩa	525	28		28	0			3	3	0			10,78	3	10,8	
27	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Tân Lộc	525	25		25	0			3	3	0			11,89	3	11,9	
	Dự án khởi công mới	12.214	129.659	0	0	129.659	129.659	0	16.036	0	16.036	16.036	0	12,37	23.823	18,4	
28	Nâng cấp, mở rộng lộ Tân Thắng - Tân Phước	12.214	11.659			11.659	11.659		3.238		3.238	3.238		27,77	3.238	27,8	
29	Nâng cấp mở rộng chợ Phú Lộc và chợ Hưng Lợi		10.500			10.500	10.500		0		0			0,00	1.400	13,3	
30	Lộ ấp 17 - ấp 20 đến 16/1 xã Vĩnh Thành		10.000			10.000	10.000		484		484	484		4,84	1.500	15,0	
31	Lộ Kim Cúa, xã Vĩnh Thành		6.000			6.000	6.000		16		16	16		0,27	700	11,7	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn						Giải ngân đến ngày 05-06-2025						Ước giải ngân lũy kế đến hết 30/6/2025		Ghi chú
			Tổng số	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch năm 2025 được giao			Tổng số	Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn (%)	Giá trị giải ngân		
				NSTW	NSDP	Tổng số	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách trung ương, NST BSMT	Ngân sách huyện		Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
32	Nâng cấp, mở rộng Lộ Trung Thống - Tân Định (Nối tiếp giai đoạn 2), xã Tuân Tức		7.500			7.500	7.500		2.226		2.226	2.226		29,68	2.226	29,7	
33	Nâng cấp, mở rộng lộ Công Điền, thị trấn Phú Lộc		14.000			14.000	14.000		3.350		3.350	3.350		23,93	3.350	23,9	
34	Nâng cấp, mở rộng Lộ Thanh Điền - Bảo Lớn, thị trấn Phú Lộc		3.000			3.000	3.000		891		891	891		29,70	891	29,7	
35	Nâng cấp, mở rộng lộ từ cầu treo Trương Hiền đến cầu treo Rẫy Mới, xã Thạnh Trị		9.000			9.000	9.000		334		334	334		3,71	1.200	13,3	
36	Nâng cấp, mở rộng lộ từ cầu Mây Dốc đến Kinh Cùi, xã Thạnh Trị		9.000			9.000	9.000		2.572		2.572	2.572		28,58	2.572	28,6	
37	Nâng cấp, mở rộng Đường kênh 14/9, xã Lâm Tân		19.000			19.000	19.000		541		541	541		2,85	2.000	10,5	
38	Nâng cấp, mở rộng lộ kênh Cái Trầu nối tiếp, xã Lâm Tân		5.500			5.500	5.500		1.246		1.246	1.246		22,65	1.246	22,7	
39	Nâng cấp lộ Tà Niên - nhà ông Tư Thắng, xã Thạnh Trị		12.000			12.000	12.000		516		516	516		4,30	1.500	12,5	
40	Xây mới cầu Đập Đá ấp Rẫy Mới, xã Thạnh Trị		3.000			3.000	3.000		142		142	142		4,73	500	16,7	
41	Nâng cấp, mở rộng lộ Tà Điếp C1 - Tà Điếp C2 nối tiếp kết nối đường huyện 61		9.500			9.500	9.500		480		480	480		5,05	1.500	15,8	

**BÁO CÁO CHI NSNN VỐN SỰ NGHIỆP CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA 06 THÁNG NĂM 2025**(Kèm theo Báo cáo số 144/BC-UBND ngày 16/06/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã CTMT	Nội dung	Dự toán năm 2025			Giải ngân đến ngày 05/6/2025			Tỷ lệ chi NSNN so với tổng dự toán sử dụng trong năm	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng dự toán sử dụng trong năm	Gồm		Tổng số	Gồm				
				Dự dự toán năm trước mang sang	Dự toán giao trong năm 2025		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng chưa thanh toán			
1		2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9	10	11
		TỔNG VỐN CTMTQG	17.255	657	16.598	2.864	2.798	66	16,60		
		Vốn ngân sách trung ương	13.498	625	12.873	1.290	1.224	66	9,56		
		Vốn ngân sách địa phương	3.757	32	3.725	1.574	1.574	0	41,90		
A	00510	Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.465	220	4.245	50	21	29	1,12		
	10510	Vốn ngân sách trung ương	4.047	188	3.859	50	21	29	1,24		
	30510	Vốn ngân sách địa phương	418	32	386	0	0	0			
	10511	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1.154	37	1.117	21	21	0	1,82		
	10511	Vốn ngân sách trung ương	1.154	37	1.117	21	21		1,82		
		Vốn ngân sách địa phương	0			0					
	10513	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	492	32	460	0	0	0	-		

Page 2

STT	Mã CTMT	Nội dung	Dự toán năm 2025			Giải ngân đến ngày 05/6/2025			Tỷ lệ chi NSNN so với tổng dự toán sử dụng trong năm	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng dự toán sử dụng trong năm	Gồm		Tổng số	Gồm				
				Dự dự toán năm trước mang sang	Dự toán giao trong năm 2025		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng chưa thanh toán			
1		2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9	10	11
	10513	Vốn ngân sách trung ương	492	32	460	0			-		
		Vốn ngân sách địa phương	0			0					
	10514	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	1.453	110	1.343	0	0	0	-		
	10514	Vốn ngân sách trung ương	1.035	78	957	0			-		
	30514	Vốn ngân sách địa phương	418	32	386	0			-		
	10515	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	741	41	700	29	0	29	3,91		
	10515	Vốn ngân sách trung ương	741	41	700	29		29	3,91		
		Vốn ngân sách địa phương	0			0					
	10518	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	550	0	550	0	0	0	-		
		Vốn ngân sách trung ương	550		550	0			-		
		Vốn ngân sách địa phương	0			0					
	10521	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	75	0	75	0	0	0	-		
		Vốn ngân sách trung ương	75		75	0			-		

Page 3

STT	Mã CTMT	Nội dung	Dự toán năm 2025			Giải ngân đến ngày 05/6/2025			Tỷ lệ chi NSNN so với tổng dự toán sử dụng trong năm	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng dự toán sử dụng trong năm	Gồm		Tổng số	Gồm				
				Dự dự toán năm trước mang sang	Dự toán giao trong năm 2025		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng chưa thanh toán			
1		2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9	10	11
		Vốn ngân sách địa phương	0			0					
B	00490	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	5.423	317	5.106	2.768	2.768	0	51,04		
	10490	Vốn ngân sách trung ương	2.743	317	2.426	1.194	1.194	0	43,53	73,50	
	20490	Vốn ngân sách địa phương	2.680	0	2.680	1.574	1.574	0	58,73	69,96	
	10491	Nội dung thành phần số 1: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.	264	264	0	0	0	0			
	10491	Vốn ngân sách trung ương	264	264		0					
		Vốn ngân sách địa phương	0			0					

Page 4

STT	Mã CTMT	Nội dung	Dự toán năm 2025			Giải ngân đến ngày 05/6/2025			Tỷ lệ chi NSNN so với tổng dự toán sử dụng trong năm	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng dự toán sử dụng trong năm	Gồm		Tổng số	Gồm				
				Dự dự toán năm trước mang sang	Dự toán giao trong năm 2025		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng chưa thanh toán			
1		2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9	10	11
	10493	Nội dung thành phần số 3: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.	468	38	430	74	74	0	15,81		
	10493	Vốn ngân sách trung ương	208	38	170	0			-		
	20493	Vốn ngân sách địa phương	260		260	74	74		28,46		
	10495	Nội dung thành phần số 5: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.	100	0	100	75	75	0	75,00		
	10495	Vốn ngân sách trung ương	100		100	75	75		75,00		
		Vốn ngân sách địa phương	0			0					

Page 5

STT	Mã CTMT	Nội dung	Dự toán năm 2025			Giải ngân đến ngày 05/6/2025			Tỷ lệ chi NSNN so với tổng dự toán sử dụng trong năm	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng dự toán sử dụng trong năm	Gồm		Tổng số	Gồm				
				Dự dự toán năm trước mang sang	Dự toán giao trong năm 2025		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng chưa thanh toán			
1		2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9	10	11
	10497	Nội dung thành phần số 7: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam.	3.756	0	3.756	2.305	2.305	0	61,37		
	10497	Vốn ngân sách trung ương	1.456		1.456	805	805		55,29		
	20497	Vốn ngân sách địa phương	2.300		2.300	1.500	1.500		65,22		
	10502	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.	835	15	820	314	314	0	37,60		
	10502	Vốn ngân sách trung ương	715	15	700	314	314		43,92	51,15	
		Vốn ngân sách địa phương	120		120	0			-		
C	00470	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	7.367	120	7.247	46	9	37	0,62		
	10470	Vốn ngân sách trung ương	6.708	120	6.588	46	9	37	0,69		
	30470	Vốn ngân sách địa phương	659	0	659	0	0	0			
	10472	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	3.971	0	3.971	0	0	0	-		
		Vốn ngân sách trung ương	3.610		3.610	0			-		

Page 6

STT	Mã CTMT	Nội dung	Dự toán năm 2025			Giải ngân đến ngày 05/6/2025			Tỷ lệ chi NSNN so với tổng dự toán sử dụng trong năm	Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng dự toán sử dụng trong năm	Gồm		Tổng số	Gồm				
				Dự dự toán năm trước mang sang	Dự toán giao trong năm 2025		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng chưa thanh toán			
1		2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9	10	11
	30472	Vốn ngân sách địa phương	361		361	0					
	10473	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	2.128	8,6	2.120	0	0	0	-		
	10473	Vốn ngân sách trung ương	1.936	8,6	1.927	0			-		
	30473	Vốn ngân sách địa phương	193		192,7	0					
	10474	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	663	59,7	603	46	9	37	6,94		
	10474	Vốn ngân sách trung ương	608	59,7	548	46	9	37	7,57		
	30474	Vốn ngân sách địa phương	54,8		54,8	0					
	10476	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	300	14,4	286	0	0	0	-		
	10476	Vốn ngân sách trung ương	274	14,4	260	0			-		
	30476	Vốn ngân sách địa phương	26		26,0	0					
	10477	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	305	37,2	267	0	0	0	-		
	10477	Vốn ngân sách trung ương	280	37,2	243	0			-		
	30477	Vốn ngân sách địa phương	24,3		24,3	0					